

TỪ CẬU BÉ MỒ CÔI, NGHÈO KHÓ, TRỞ THÀNH NHÀ BÁC HỌC - ANH HÙNG

GS.VS. Nguyễn Văn Đạo

Phạm Quang Lễ sinh ra ở quê ngoại, xã Xuân Hiệp, huyện Tam Điệp, tỉnh Vĩnh Long - cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 100 cây số về phía Tây. Như mọi thiếu niên khác, khi còn nhỏ tuổi, Lễ cũng rất mải chơi, Lễ thường trốn học theo bạn đi trèo cây, hái quả, bắt chim, bắt cá, đào dế, bơi lội, đánh bi, đánh đáo và gây náo loạn khắp cả một vùng theo kiểu “nhất quỷ, nhì ma...”, làm cho ba má rất buồn phiền, la rầy. Trong con người mới lớn lên của Lễ chứa chất đầy mâu thuẫn. Nghịch ngợm là thế, nhưng Lễ lại là một đứa trẻ trầm ngâm, thích những phút được ngồi suy tư một mình. Có bữa cha của anh - ông giáo Mùi - quan sát thấy Lễ ngồi hàng giờ bên cửa sổ. Nghịch phá hay thông minh, ngoan ngoãn, cái nào sẽ phát triển trong Lễ? Cái đó còn tùy vào người dạy dỗ cậu. Vì thế, không bao giờ ông gay gắt với con, ngay cả khi Lễ mắc lỗi lầm. Ông luôn luôn ôn tồn giảng giải và gợi ý để cho Lễ tự suy nghĩ. Là một người hiểu biết rộng, ông khẳng định Lễ là một con người sâu sắc, có tư chất và đầy triển vọng.

Ông giáo Mùi dõi theo Lễ từng bước. Bất cứ Lễ có một dấu hiệu gì tiến bộ thì dù nhỏ, ông cũng khuyến khích ngay. Thấy bên cạnh mình lúc nào cũng có bàn tay dịu dặt của người cha, Lễ càng vững tâm sửa chữa khuyết điểm. Chẳng những cậu không trốn học mà còn muốn học thêm. Từ ngày Lễ bắt đầu tu tỉnh, cuộc sống gia đình ông bà giáo Mùi trở nên ổn định, nhà lúc nào cũng vui vẻ, đầm ấm. Đêm đêm bà giáo Mùi lựa lời khuyên răn Lễ, dạy

cậu tính công bằng, lòng bác ái, đức hy sinh cho người, lòng tin ở bản chất tốt đẹp của con người, lòng tự trọng, khinh ghét kẻ cường quyền... Là người biết suy nghĩ, Lễ nhanh chóng nhận ra sự thay đổi không khí trong gia đình, nhất là vào lúc tan trường. Cả nhà sum họp vui vẻ bên mâm cơm ngon lành do bà giáo chuẩn bị. Chị em Lễ ríu rít khoe với ba má những điểm tốt vừa đạt được ở trên lớp. Lễ đã nhận ra rằng, đứa con ngoan, chăm chỉ, hiếu thảo là niềm hạnh phúc đối với gia đình.

Ngày vui chưa được bao lâu thì tai họa ập xuống nhà ông giáo Mùi. Ông đổ bệnh nặng, ốm nằm liệt giường tám tháng trời. Gia đình sa sút đi nhanh chóng, bao nhiêu vốn liếng, của cải tích cóp đều lần lượt ra đi để lấy tiền chạy chữa cho ông giáo. Tiền lương của ông - nguồn nuôi chính của gia đình bấy lâu nay - cũng không còn nữa. Tình thế tuyệt vọng, Lễ càng thương ba bao nhiêu lại càng cố gắng học hành bấy nhiêu. Những điểm mười mà cậu mang về hàng ngày cũng là những thuốc trợ lực rất hiệu quả đối với ông.

Một bữa, ông giáo Mùi gọi Lễ đến bên giường và dặn dò: “Ba biết ba không còn được ở với má và các con bao lâu nữa! - Ông rơm rớm nước mắt - Nhưng biết làm sao được! Con đang học hành tấn tới, ba thật tiếc không được sống để dạy dỗ con, để được chứng kiến sự trưởng thành của con, mà ba tin rằng con sẽ thành đạt. Đời ba đang dở quá..., nhưng các con đừng buồn vì vắng ba. Sau này, Lễ sẽ là trụ cột của gia đình. Con sẽ phải thay ba nuôi má và chị con...”. Ông nói tiếp: “Con phải cố gắng học hành để thành người có ích. Có thể sau này con sẽ nối nghiệp ba, đi dạy học. Cũng có thể con làm nghề khác. Nhưng dù làm nghề gì ngoài việc nuôi thân, nuôi má, nuôi chị, con hãy cố gắng làm thêm những việc có ích cho mọi người...”. Những lời dặn cuối cùng của ba đã khắc sâu vào tâm trí Lễ suốt đời.

Sau ngày ông giáo qua đời, chị em Lễ càng thương má, nhớ ba không nguôi. Lễ trở nên trầm lặng hẳn và nhiều lúc ngồi đăm chiêu như người lớn. Rồi Lễ được ông giáo Năm tốt bụng cư mang, nuôi ăn học. Thế là mới bảy tuổi đầu Lễ đã phải xa mẹ, xa chị, lên thị xã Vĩnh Long theo học, xa nhà đến hai chục cây số.

Ở lớp, Lễ học giỏi nhiều môn, đặc biệt là môn Toán. Là một học trò ngoan, luôn luôn sẵn sàng giúp các bạn học kém, Lễ luôn được thầy yêu, bạn mến. Hè năm 1926, Lễ tốt nghiệp bậc tiểu học hạng ưu, rồi thi đỗ hạng ưu vào trường Trung học đệ nhất cấp Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho (tương đương với

phổ thông cơ sở ngày nay), được nhận học bổng của nhà trường. Ngoài giờ lên lớp, Lê chỉ ngồi ở nhà nghiền ngẫm các bài học. Cậu luôn nghĩ ra các phương pháp giải toán khác nhau, luôn tự đặt cho mình một yêu cầu là với một bài toán thì phải tìm cho được nhiều cách giải, phải đi đến một đáp số đúng, gọn nhất, hay nhất.

Suốt bốn năm học tập ở Trung học Mĩ Tho, Lê là học sinh giỏi xuất sắc, càng về sau càng học giỏi. Lê thường đạt điểm cao, đứng đầu môn Toán và các môn khoa học tự nhiên. Lê được các thầy cô yêu quý, bạn bè cảm phục, mến mộ. Năm 1930, Lê thi đỗ vào trường Trung học đệ nhị cấp (tương đương với phổ thông trung học ngày nay) Petrus Ký tại Sài Gòn, được nhận học bổng và học ở đó 3 năm từ 1930 đến 1933. Đây là trường trung học nổi tiếng ở Sài Gòn thời đó (nay là trường Trung học Lê Hồng Phong - Tp. Hồ Chí Minh). Các thầy giáo ở đây có trình độ cao, điều kiện ăn ở và học tập khá hơn trường Trung học Mĩ Tho. Bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng, bạn học cũ của anh Lê tại trường Petrus Ký kể lại: “Lê rất nghèo, có thể nói là nghèo nhất trường, tốt bụng, luôn luôn giúp đỡ bạn bè, nhưng học rất giỏi. Có lần thấy đang giải toán thì bí, Lê lên bảng giải tiếp, giải bằng mấy cách khác nhau. Thấy rất cảm phục, Lê trở nên nổi tiếng khắp vùng”.

Vào những tháng cuối của niên khoá 1932 -1933, trong khi chuẩn bị cho kỳ thi lấy bằng tú tài bản xứ, Phạm Quang Lê quyết định ghi danh lấy bằng tú tài Tây, hoàn toàn tin vào khả năng của mình bởi Lê học rất kỹ các môn, nhất là các môn tự nhiên như Toán, Lý, Hoá. ở môn Toán có cả phần thi vấn đáp, ông giám khảo người Pháp và toàn bộ ban giám khảo đều cho điểm ưu. Lê đỗ đầu cả tú tài bản xứ và tú tài Tây. Với thành tích xuất sắc rất hiếm thấy này, Lê đã được Hội ái hữu trường Saxlu Lôba (Chasseloup Laubat) cấp cho một năm học bổng du học tại Pháp. Học bổng này là của hội phụ huynh học sinh người Pháp. Thông thường, nếu là người Việt thì phải có quốc tịch Pháp mới được cấp. Trường hợp của Lê là một ngoại lệ. Với học bổng đó, Lê sẽ có tiền đi tàu thuỷ sang Pháp học và theo học một lớp dự bị để sửa soạn thi vào đại học. Nếu Lê đỗ, anh sẽ được Chính phủ Pháp cấp học bổng học tiếp.

Paris hoa lệ có biết bao điều hấp dẫn đối với thanh niên, song tất cả tâm trí của Phạm Quang Lê đều dồn cho việc học tập. Anh thường xuyên làm việc đến 16 giờ một ngày. Trước mỗi giấc ngủ, trong đầu anh lại hiện lên cảnh sống cơ cực của dân mình, hình ảnh thân thương của bà con, làng xóm và đặc biệt

là hình ảnh người mẹ, người chị mà anh vô cùng yêu quý. Anh ao ước sẽ có ngày được trở về nước với những kiến thức đầy ắp và khả năng chế tạo được những vũ khí đủ sức chống chọi với kẻ thù...

Thông thường, học sinh có hai năm để chuẩn bị vào đại học. Oái oăm thay, Phạm Quang Lễ chỉ có một năm học bổng. Anh quyết định học rút hai năm làm một. Thế rồi anh thi đỗ ngay vào trường cầu đường Paris và lại được nhận học bổng để tiếp tục học lên cao. Mong muốn của Phạm Quang Lễ là ngoài việc học về kỹ thuật dân dụng còn tìm cách học cho được kỹ thuật chế tạo vũ khí để giúp nước đánh đuổi giặc Pháp. Anh tự nhủ: Đó là nghĩa vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc.

Trong hàng nghìn người Việt Nam sang Pháp du học, có lẽ chỉ duy nhất anh Lễ có quyết tâm nghiên cứu về vũ khí. Song đây là lĩnh vực bí mật và tuyệt đối cấm với người dân thuộc địa. Chỉ cần để lộ ra ý định này anh sẽ bị trục xuất ngay khỏi nước Pháp. Vì vậy trong 11 năm ở Pháp, anh chỉ có thể tự mò mẫm và bí mật học hỏi, sưu tầm tài liệu về các loại vũ khí. Muốn đi vào lĩnh vực nói trên cần phải giỏi về khoa học cơ bản, Toán học, Cơ học, Hoá học và Kỹ thuật. Vì vậy, anh đã thi lấy bằng cử nhân khoa học ở trường Đại học Xoocon (Sorbonne) nổi tiếng ở Pháp, bằng kỹ sư cầu đường ở trường Cầu cống quốc gia, bằng kỹ sư điện tại trường đại học Đại học Điện và bằng kỹ sư hàng không tại Học viện Kỹ thuật Hàng không, đồng thời thi lấy chứng chỉ ở trường Bách Khoa, trường Mỏ. Anh còn tự học tiếng Đức để đọc các tài liệu của Đức từ nguyên bản với lối học rất đặc biệt là học qua từ điển, học thuộc lòng bốn ngàn từ trong hai tháng nghỉ hè.

Dần dà, Lễ đã thu thập được hơn ba chục ngàn trang tài liệu về vũ khí và thuốc nổ, phần lớn là các tài liệu mật. Anh đã ra công nghiền ngẫm số tài liệu đó và đưa vào bộ nhớ của mình, để phòng nếu thất lạc tài liệu đó vẫn xoay sở được. Điều lo xa này của anh thật không thừa. Ngày toàn quốc kháng chiến 19/12/1946, cả tấn sách mà anh ky cốp trong hàng chục năm trời ở Pháp đã bị mất gần hết.

Cuộc đời Phạm Quang Lễ mặc dầu gian truân, nhưng đã có những lúc gặp may. Đối với anh, không có gì may mắn hơn là được gặp Bác Hồ, được Bác giao cho nhiều trọng trách và được tạo mọi điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ. Bác đã chấp cánh cho tài năng của anh bay bổng. Chiều ngày 22/06/1946

anh Lê cùng đoàn đại biểu Việt kiều ra đón Bác Hồ - thượng khách của Chính phủ Pháp - tại sân bay Lơ Buócgiê, Paris. Anh ngạc nhiên khi thấy vị Chủ tịch nước ăn mặc rất giản dị trong bộ ka ki màu vàng với nét mặt hiền từ, vui vẻ, khiêm tốn và đôi mắt rất sáng. Chỉ ba ngày sau khi Bác Hồ đến Paris, kỹ sư Phạm Quang Lê được tiếp kiến Người. Những ngày Bác ở trên đất Pháp và trên đường về nước, anh được thường xuyên đi theo Bác. Bác đã có ảnh hưởng quyết định đối với cuộc đời cách mạng sau này của anh. Anh đã học được ở Bác rất nhiều điều. Anh nói: “Tôi rất ưa thích sự giản dị phi thường của Bác, lối làm việc khoa học, lòng nhân đạo, độ lượng, cũng như sự linh hoạt ứng biến trước mọi tình thế. Đi theo Bác, đến đâu tôi cũng thấy Bác được nhân dân lao động Pháp hoan nghênh nồng nhiệt, kính mến sâu sắc. Bác thấu hiểu tâm lý của mọi lớp người, kể cả trí thức. Riêng đối với tôi, một lần khi chỉ có Bác và tôi, Bác mới hỏi: “Nguyện vọng của chú lúc này là gì?”. Anh Lê trả lời rất nhanh cái điều đã ôm ấp từ buổi đầu xuất ngoại: “Dạ thưa, nguyện vọng cao nhất là được trở về Tổ quốc, cống hiến hết năng lực và tinh thần”. Phạm Quang Lê đã thanh thản rũ bỏ cuộc sống nhưng lụy trên đất Pháp với việc làm hứa hẹn được trả lương hàng tháng cỡ 22 lượng vàng, theo Bác Hồ về nước tham gia kháng chiến.

Ngày 05/12/1946, Bác Hồ cho mời Kỹ sư Phạm Quang Lê đến Bắc Bộ phủ (ngày nay là nhà khách Chính phủ, 12 Ngô Quyền, Hà Nội). Vừa thân mật, vừa rất trịnh trọng, Bác nói: “Kháng chiến sắp đến nơi rồi, hôm nay tôi mời chú đến để trao cho nhiệm vụ làm Cục trưởng Cục Quân giới. Chú lo vũ khí cho bộ đội diệt giặc”. Điều này đã làm cho Kỹ sư Phạm Quang Lê vô cùng xúc động, vì được Bác không chỉ giao cho nhiệm vụ, mà còn tạo cho anh những điều kiện làm việc rất thuận lợi. Bác cho Kỹ sư Phạm Quang Lê được toàn quyền hành động trong việc chế tạo vũ khí, không phải thông qua bất kỳ cấp lãnh đạo nào khác. Bác còn nghĩ xa hơn nữa, Bác nói tiếp: “Việc của chú là việc đại nghĩa, vì thế kể từ nay, Bác đặt tên cho chú là Trần Đại Nghĩa. Dùng bí danh này để giữ bí mật cho chú và để bảo vệ cho gia đình, bà con chú còn ở trong Nam”.

Cùng với tập thể các nhà khoa học, công nhân kỹ thuật Việt Nam, Trần Đại Nghĩa đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, thiếu thốn của thời kỳ đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, để chế tạo thành công đạn Ba-dô-ca, đạn lôm, súng đại bác không giật (SKZ), mìn, bom bay,... góp phần vào những

chiến thắng vang dội của quân và dân ta. Ông còn là người đã đạt nhiều kỷ lục xuất sắc về vượt thời gian. Nhận học bổng du học tại Pháp một năm, nhưng do liên tục học giỏi đã được kéo dài thành 11 năm, học hành thành đạt, đem kiến thức thu nhận được về phục vụ cho Tổ quốc. Kể từ ngày trở về nước (1946), ông đã được bổ nhiệm làm Cục trưởng Cục quân giới chỉ sau một tháng rưỡi; được phong tướng sau gần hai năm, trong số mười vị tướng lĩnh đầu tiên ở Việt Nam; được phong anh hùng lao động sau 6 năm, trong số vài anh hùng đầu tiên của Việt Nam. Năm 1966, ông được bầu làm Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô. Năm 1996, ông được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ đột đầu tiên.

Trần Đại Nghĩa đã được Bác Hồ viết bài khen ngợi. Trên báo Nhân dân số 61 ra ngày 12/6/1952, dưới bút danh C.B., Bác Hồ đã viết về Trần Đại Nghĩa như sau:

"Là một đại trí thức, đi học ở châu Âu đã nhiều năm, mang một lòng nhiệt tình về phụng sự Tổ quốc, phục vụ kháng chiến, đó là anh hùng lao động trí óc Trần Đại Nghĩa". Lúc kỹ sư Nghĩa mới về nước, Hồ Chủ tịch bảo: "Nước ta thiếu máy móc, thiếu nguyên liệu, thiếu thợ lành nghề, song giàu về rừng núi, giàu về quyết tâm. Vậy chú phải đưa những cái đã học được ở nước ngoài mà áp dụng vào hoàn cảnh thiết thực ở nước ta để phụng sự Tổ quốc..." Kỹ sư Nghĩa vui vẻ trả lời: "Thưa vâng".

Từ đó, kỹ sư Nghĩa luôn luôn cố gắng làm đúng lời hứa: khắc phục mọi khó khăn, đào tạo nhiều cán bộ, đưa những học thức rộng rãi ở châu Âu áp dụng vào điều kiện eo hẹp ở nước ta. Đồng chí rất giỏi về khoa học máy, nhưng lúc thực hành thì không "máy móc".

Kỹ sư Nghĩa đã có công to lớn trong việc xây dựng quân giới, luôn luôn gần gũi, giúp đỡ, dạy bảo và học hỏi anh em công nhân, đã thắt chặt lý luận với thực hành".

Công lao to lớn của Viện sĩ Trần Đại Nghĩa đối với nhân dân và Tổ quốc đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp khái quát trong điện chia buồn gửi đến gia đình Viện sĩ ngày ông qua đời (09/08/1997):

"... Anh ra đi là một mất mát lớn lao cho quân đội, cho nhân dân, cho đội ngũ trí thức yêu nước. Suốt đời làm việc vì đại nghĩa, không biết mệt mỏi, dù

ở cương vị nào, là Cục trưởng quân giới đầu tiên hay Viện trưởng đầu tiên của Viện Khoa học Việt Nam, ở những trọng trách trong các ngành kinh tế, khoa học, anh đều hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc, đã có những cống hiến xứng đáng đối với quân đội, đối với dân tộc.

Anh ra đi để lại một tấm gương sáng của một trí thức tiêu biểu, mẫu mực và đức độ: liêm khiết, công tâm; về tài năng: thông minh và sáng tạo; ăn ở đoàn kết, thủy chung, có thể nói là đã không phụ lòng Bác Hồ đã đưa anh về nước”.

Trần Đại Nghĩa là một tấm gương sáng cho mọi người, đặc biệt là các bạn thanh, thiếu niên, noi theo. Đó là tấm gương của một đại trí thức đã vượt qua cuộc sống đói nghèo, nổi bất hạnh của thời thơ ấu để trở thành người anh hùng, nhà bác học lỗi lạc bậc nhất của Việt Nam trong thế kỷ XX.

(Bản tin Đại học Quốc gia Hà Nội, Số 151, tháng 9/2003)